

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm.

Điều 2. Tổ chức giới thiệu việc làm theo quy định tại Điều 18 của Bộ luật Lao động đã được sửa đổi, bổ sung, gồm:

1. Trung tâm giới thiệu việc làm.

2. Doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm.

Điều 3. Trung tâm giới thiệu việc làm (sau đây gọi chung là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên theo quy định hiện hành; là tổ chức thuộc lĩnh vực hoạt động xã hội, do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội quyết định thành lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại ngân hàng, Kho bạc Nhà nước.

Điều 4. Doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) là doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp nhà nước được hoạt động giới thiệu việc làm theo quy định tại Nghị định này.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM GIỚI THIỆU VIỆC LÀM

Điều 5. Điều kiện và thủ tục thành lập Trung tâm:

1. Điều kiện thành lập Trung tâm:

Trung tâm được thành lập khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có địa điểm và trụ sở làm việc ổn định, đặt ở nơi thuận tiện và đủ diện tích cho việc giao dịch và hoạt động của Trung tâm;

b) Phải có trang thiết bị và các phương tiện phù hợp với từng nhiệm vụ theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Phải có ít nhất 05 (năm) cán bộ có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, pháp luật, ngoại ngữ; đội ngũ cán bộ của Trung tâm phải có lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, không có tiền án;

d) Việc thành lập Trung tâm phải phù hợp với quy hoạch Trung tâm giới thiệu việc làm trên địa bàn của địa phương đã được phê duyệt.

2. Thủ tục thành lập Trung tâm:

a) Hồ sơ thành lập Trung tâm:

- Công văn của cơ quan đề nghị thành lập Trung tâm gửi cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

- Đề án thành lập Trung tâm, bao gồm các nội dung: sự cần thiết; mục tiêu; nhiệm vụ cụ thể và việc đảm bảo các điều kiện để thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định này; tính khả thi của đề án.

Đối với Trung tâm thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thì đề án thành lập Trung tâm phải có ý kiến nhất trí bằng văn bản của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ.

Đối với các Trung tâm giới thiệu việc làm thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ, ngành hoặc của cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội thì phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Trung tâm sẽ được thành lập và hoạt động.

- Các giấy tờ và văn bản có liên quan chứng minh đủ các điều kiện để thành lập Trung tâm.

b) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ thành lập Trung tâm, chấp thuận thành lập Trung tâm:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là nơi tiếp nhận, thẩm định hồ sơ thành lập Trung tâm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Trung tâm thuộc thẩm quyền quản lý hoặc chấp thuận việc thành lập Trung tâm của các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn.

- Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ thành lập Trung tâm của các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của các Bộ, ngành và tổ chức đó.

c) Thẩm quyền thành lập Trung tâm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Trung tâm thuộc thẩm quyền quản lý theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Thủ trưởng cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội quyết định

thành lập Trung tâm thuộc tổ chức chính trị - xã hội quản lý theo quy định của tổ chức đó, sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Trung tâm sẽ thành lập và hoạt động;

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập Trung tâm thuộc quyền quản lý của mình, sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Trung tâm sẽ thành lập và hoạt động.

d) Thời hạn xem xét, quyết định thành lập Trung tâm:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ về thành lập Trung tâm, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập Trung tâm và gửi một bản chính về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp không quyết định thành lập Trung tâm phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Người ra quyết định thành lập Trung tâm có quyền ra quyết định giải thể, chấm dứt hoạt động của Trung tâm; khi ra quyết định giải thể, chấm dứt hoạt động của Trung tâm cần gửi một bản về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 6. Trung tâm giới thiệu việc làm theo quy định tại Nghị định này phải dùng tên thống nhất là "Trung tâm giới thiệu việc làm", kèm theo tên địa phương,

tên cơ quan Bộ, ngành, tên tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên đối tượng phục vụ.

Điều 7. Nhiệm vụ của Trung tâm:

1. Tư vấn về việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động theo quy định của pháp luật lao động.

2. Giới thiệu việc làm cho người lao động; cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động.

3. Thu thập, phân tích và cung ứng thông tin về thị trường lao động, bao gồm: nhu cầu tuyển lao động, nhu cầu cần việc làm, tiêu chuẩn lao động, tiền lương, tiền công trên địa bàn hoạt động của vùng và cả nước.

4. Được tổ chức dạy nghề theo quy định của pháp luật.

Ngoài các nhiệm vụ nêu trên, Trung tâm thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm

1. Lãnh đạo của Trung tâm:

Trung tâm có Giám đốc và một số Phó giám đốc. Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý và trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động của Trung tâm. Phó giám đốc Trung tâm là người giúp việc Giám đốc, phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác do Giám đốc Trung tâm phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kết quả công tác được giao.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Trung tâm do người có thẩm quyền quyết định thành lập Trung tâm quyết định. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó giám đốc Trung tâm do Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý quyết định.

2. Các tổ chức giúp việc của Giám đốc:

Trung tâm có các phòng chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định này. Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm hoạt động cụ thể, người có thẩm quyền quyết định thành lập Trung tâm quy định số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn nghiệp vụ, nhưng không quá 04 (bốn) phòng. Các phòng có Trưởng phòng và một số Phó trưởng phòng; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng và Phó trưởng phòng thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ.

3. Biên chế của Trung tâm:

Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm hoạt động cụ thể của Trung tâm, người có thẩm quyền quyết định thành lập Trung tâm quy định số biên chế của Trung tâm và cấp kinh phí hoạt động thường xuyên cho các hoạt động không có thu của Trung tâm.

Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức của Trung tâm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn

vị sự nghiệp của Nhà nước; Giám đốc Trung tâm căn cứ vào nhu cầu công việc và khả năng tài chính của Trung tâm thực hiện giao kết hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

Người làm việc trong Trung tâm giới thiệu việc làm được xếp lương và trả lương theo bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Các chức danh lãnh đạo của Trung tâm được áp dụng phụ cấp chức vụ lãnh đạo chi cục và các tổ chức tương đương thuộc Sở quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ nói trên.

Chế độ tài chính, tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

Điều 9. Quyền hạn của Trung tâm:

1. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức theo quy định tại Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; tuyển lao động và giao kết hợp

đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Ký kết các hợp đồng cung ứng lao động, giới thiệu việc làm và dạy nghề, học nghề.

3. Khai thác các thông tin về lao động, việc làm và dạy nghề từ cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức.

4. Yêu cầu người sử dụng lao động cung cấp thông tin về tình trạng việc làm của người lao động do Trung tâm đã giới thiệu hoặc cung ứng lao động.

5. Thu phí giới thiệu việc làm (bao gồm: tư vấn, giới thiệu, cung ứng lao động, cung cấp thông tin lao động - việc làm) và thu học phí theo quy định của pháp luật.

6. Chủ động quản lý và sử dụng các nguồn tài chính theo quy định hiện hành về chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu và được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Điều 10. Trách nhiệm của Trung tâm:

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Trung tâm.

2. Xây dựng kế hoạch hàng năm và thực hiện đúng kế hoạch đã được cấp trên phê duyệt.

3. Thực hiện các quyền lợi cho cán bộ và những người làm việc ở Trung tâm

với hình thức hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ các hợp đồng đã giao kết, các cam kết với người lao động, người sử dụng lao động, người học nghề, người được tư vấn.

5. Cán bộ, công chức và những người làm việc theo hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc của Trung tâm phải đeo biển, trang phục thống nhất khi làm việc.

6. Lập sổ để theo dõi các hoạt động của Trung tâm theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Theo dõi tình trạng việc làm của người lao động do Trung tâm giới thiệu hoặc cung ứng trong thời gian một năm (đối với trường hợp thực hiện hợp đồng lao động từ đủ 12 tháng trở lên) hoặc trong thời gian thực hiện hợp đồng lao động (đối với những trường hợp thực hiện hợp đồng lao động dưới 12 tháng).

8. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thành lập, Trung tâm phải thông báo trên báo địa phương hoặc báo Trung ương trong 05 (năm) số liên các thông tin về tên gọi, địa điểm, lĩnh vực hoạt động, tài khoản, tên giám đốc, số điện thoại của Trung tâm.

Trước 15 ngày kể từ ngày bắt đầu hoạt động, Trung tâm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương sở

tại về ngày bắt đầu hoạt động và lĩnh vực hoạt động.

9. Tại trụ sở của Trung tâm phải có biển đề tên Trung tâm, số điện thoại, địa chỉ. Trong trường hợp cần thiết phải dùng tiếng nước ngoài, thì cỡ chữ nước ngoài phải nhỏ hơn cỡ chữ tiếng Việt và viết ở phía dưới chữ tiếng Việt. Trung tâm phải có sơ đồ các bộ phận làm việc và phải niêm yết công khai bản sao quyết định thành lập Trung tâm (có công chứng) tại trụ sở.

10. Trước ngày 05 tháng 7 và ngày 05 tháng 01 hằng năm, Trung tâm có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng đầu năm và cả năm về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương sở tại nơi đặt trụ sở chính và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội (đối với các Trung tâm thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội quản lý) theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương III

ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC VÀ THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG GIỚI THIỆU VIỆC LÀM CHO DOANH NGHIỆP

Điều 11. Giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm cấp cho doanh nghiệp

Giấy phép hoạt động giới thiệu việc

làm (sau đây gọi chung là giấy phép) do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp cho doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Doanh nghiệp nhà nước và có đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định này. Mẫu giấy phép do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

Điều 12. Điều kiện cấp giấy phép:

Doanh nghiệp được cấp giấy phép khi có đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có địa điểm và trụ sở ổn định, đặt ở nơi thuận tiện và đủ diện tích cho việc giao dịch và hoạt động của doanh nghiệp. Nếu trụ sở thuê thì phải ổn định từ 36 tháng trở lên.

2. Có phòng sử dụng cho hoạt động tư vấn, phòng sử dụng cho hoạt động giới thiệu và cung ứng lao động, phòng sử dụng cho hoạt động về thông tin thị trường lao động và có trang bị máy vi tính, điện thoại, Fax, E-mail và các tài liệu liên quan đến thị trường lao động và các trang thiết bị khác để phục vụ khách hàng.

3. Có ít nhất 300 triệu đồng Việt Nam ký quỹ tại Ngân hàng để giải quyết các rủi ro và các khoản phải đền bù có thể xảy ra trong quá trình hoạt động.

4. Có ít nhất 05 (năm) cán bộ có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, pháp luật, ngoại ngữ, có

lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, không có tiền án.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.
2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (có công chứng).
3. Các giấy tờ và văn bản có liên quan chứng minh đủ các điều kiện để cấp giấy phép của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Điều 14. Thời hạn của giấy phép

Giấy phép cấp cho doanh nghiệp với thời hạn là 36 (ba mươi sáu) tháng và mỗi lần gia hạn tiếp theo là không quá 36 (ba mươi sáu) tháng.

Điều 15. Trình tự cấp giấy phép

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương sở tại.
2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cấp giấy phép cho doanh nghiệp. Trường hợp không cấp giấy phép cho doanh nghiệp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 16. Thu hồi giấy phép

1. Doanh nghiệp vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị thu hồi giấy phép:

a) Vi phạm ngành nghề kinh doanh ghi trong giấy phép hoặc không đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này;

b) Có hành vi lừa đảo, gian lận đối với người lao động, doanh nghiệp, tổ chức khác do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định;

c) Không thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Không chấp hành báo cáo theo quy định với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương liên tục từ 01 (một) năm dương lịch trở lên;

đ) Bị xử phạt hành chính do vi phạm pháp luật lao động 03 (ba) lần trong năm hoặc 01 (một) hành vi bị xử phạt 03 (ba) lần;

e) Không hoạt động sau 06 (sáu) tháng kể từ ngày cấp giấy phép;

g) Chấm dứt hoạt động.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thu hồi giấy phép đối với các doanh nghiệp vi phạm các quy định nói trên.

Điều 17. Các hoạt động giới thiệu việc làm của doanh nghiệp

1. Tư vấn về việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động theo quy định của pháp luật lao động.

2. Giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động.

3. Thu thập, phân tích và cung ứng thông tin về thị trường lao động, bao gồm: nhu cầu tuyển lao động, nhu cầu cần việc làm, tiêu chuẩn lao động, tiền lương, tiền công trên địa bàn hoạt động, của vùng và cả nước.

4. Được dạy nghề theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền hạn của doanh nghiệp

1. Đặt tên doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, nhưng không được trùng với tên của Trung tâm giới thiệu việc làm quy định tại Điều 6 của Nghị định này.

2. Tuyển chọn, bố trí, điều động và sử dụng lao động, trả tiền lương và tiền thưởng, khen thưởng và kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật.

3. Khai thác các thông tin về lao động, việc làm từ các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức.

4. Ký kết các hợp đồng cung ứng lao động và giới thiệu việc làm và dạy nghề.

5. Thu phí giới thiệu việc làm (bao gồm: tư vấn, giới thiệu, cung ứng lao động, cung ứng thông tin thị trường lao động) và thu học phí dạy nghề theo quy định pháp luật.

6. Sử dụng và quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

7. Được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Điều 19. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Thực hiện các quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật.

2. Bảo đảm các quyền lợi cho người lao động trong doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo việc sử dụng lao động theo quy định của pháp luật lao động.

4. Thực hiện đầy đủ các hợp đồng đã giao kết, các cam kết với người lao động và người sử dụng lao động, người học nghề, người được tư vấn.

5. Thực hiện đúng các chế độ tài chính các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật và bồi thường các thiệt hại do vi phạm các hợp đồng theo quy định của pháp luật.

6. Lập sổ theo dõi cập nhật đầy đủ và thường xuyên các hoạt động của doanh nghiệp.

7. Theo dõi tình trạng việc làm của người lao động do doanh nghiệp giới thiệu hoặc cung ứng trong thời gian một năm (đối với trường hợp thực hiện hợp đồng lao động từ đủ 12 tháng trở lên) hoặc trong thời gian thực hiện hợp đồng lao động (đối với những trường hợp thực hiện hợp đồng lao động dưới 12 tháng).

8. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm, doanh nghiệp phải đăng trên báo địa phương hoặc báo

Trung ương trong 05 (năm) số liên thông tin về tên gọi, địa điểm, lĩnh vực hoạt động, tài khoản, tên giám đốc, số điện thoại.

Trước 15 ngày kể từ ngày bắt đầu hoạt động, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương sở tại về ngày bắt đầu hoạt động.

9. Tại trụ sở của doanh nghiệp phải có biển đề rõ tên doanh nghiệp, số điện thoại, địa chỉ. Trong trường hợp cần thiết phải dùng tiếng nước ngoài, thì cỡ chữ nước ngoài phải nhỏ hơn cỡ chữ tiếng Việt và viết ở phía dưới chữ tiếng Việt.

Doanh nghiệp phải có sơ đồ các bộ phận làm việc và phải niêm yết công khai bản sao giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm (có công chứng) ở trụ sở.

10. Trước ngày 05 tháng 7 và ngày 05 tháng 01 hằng năm, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng đầu năm và cả năm về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương sở tại nơi đặt trụ sở chính, nội dung báo cáo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 20. Tổ chức và cá nhân có thành tích trong lĩnh vực giới thiệu việc làm

được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Tổ chức và cá nhân vi phạm các quy định tại Nghị định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại và cá nhân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những quyết định, hành vi của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong hoạt động giới thiệu việc làm vi phạm các quy định của Nghị định này hoặc xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1. Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực giới thiệu việc làm trong phạm vi cả nước.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra, thanh tra việc thi hành Nghị định này.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thu, quản lý và sử dụng phí giới thiệu việc làm, chế độ tài chính đối với Trung tâm và doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ, ngành

1. Các Bộ, ngành có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện thống nhất việc quản lý nhà nước về giới thiệu việc làm theo quy định của Nghị định này.

2. Thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của Trung tâm; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; quyết định số biên chế của Trung tâm và cấp kinh phí hoạt động thường xuyên cho các hoạt động không có thu của Trung tâm thuộc quyền quản lý.

3. Kiểm tra, thanh tra hoạt động giới thiệu việc làm các Trung tâm thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo Bộ

Lao động - Thương binh và Xã hội về các hoạt động của các Trung tâm thuộc quyền quản lý.

Điều 26. Đề nghị các cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm:

1. Thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của Trung tâm; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; quyết định số biên chế của Trung tâm và cấp kinh phí hoạt động thường xuyên cho các hoạt động không có thu của Trung tâm thuộc quyền quản lý.

2. Kiểm tra, thanh tra hoạt động giới thiệu việc làm các Trung tâm thuộc quyền quản lý.

3. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hoạt động của các Trung tâm thuộc quyền quản lý.

Điều 27. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

1. Quy hoạch hệ thống Trung tâm trên địa bàn của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Quyết định thành lập hoặc giải thể các Trung tâm; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; quyết định số biên chế của Trung tâm và cấp kinh phí hoạt động thường xuyên cho các hoạt động không có thu của Trung tâm thuộc quyền quản lý.

3. Có ý kiến bằng văn bản về việc thành lập các Trung tâm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội.

4. Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương theo dõi, kiểm tra, thanh tra các hoạt động theo đúng quy định của pháp luật đối với các Trung tâm, các doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm.

5. Khen thưởng và xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

1. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về lao động theo quy định của pháp luật và chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về quy hoạch hệ thống Trung tâm trên địa bàn của địa phương;

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ trong phạm vi, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Nghị định này.

3. Cấp và thu hồi giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm của doanh nghiệp.

4. Trước ngày 25 tháng 7 và ngày 25 tháng 01 hằng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng đầu năm và cả năm theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29.

1. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các cơ quan, tổ chức có các Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc quyền quản lý đang hoạt động phải tiến hành rà soát, sắp xếp, tổ chức và thành lập lại theo quy định tại Nghị định này và phải báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp đang hoạt động về dịch vụ việc làm (gồm: tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động, thông tin thị trường lao động) phải làm các thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm theo quy định của Nghị định này.

3. Đối với các Trung tâm dịch vụ việc làm, các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm đã được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà không đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này thì phải chấm dứt hoạt động và thực hiện nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Điều 14 và Điều 15 của Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi

tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm.

Điều 31. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

NGHỊ ĐỊNH số 20/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ về bổ sung danh mục dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo Nghị định số 106/2004/NĐ-CP.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Xét đề nghị của các địa phương và Văn phòng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung vào khoản 1 Mục I thuộc Danh mục các dự án, chương trình vay vốn đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, như sau:

Các dự án trồng rừng nguyên liệu, cây công nghiệp tập trung ở vùng Tây Nguyên, miền núi, vùng sâu, vùng xa khó khăn gắn với tạo việc làm cho đồng bào dân tộc và cơ sở chế biến nông, lâm sản ở các vùng nói trên được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Điều 2. Nghị định có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính và Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này theo chức năng và thẩm quyền.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải